

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

Bản án số: 14/2019/HSST
Ngày 03 tháng 5 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lưu T** - Nguyên hiệu trưởng Trường tiểu học số 3 thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G.
2. Ông **Lê Văn D** - Nguyên chủ tịch liên đoàn lao động huyện Đ, tỉnh G.
- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân K** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G, Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2019/HSST, ngày 16 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

1. *Bị cáo thứ nhất:* **Nguyễn Văn B** - Sinh năm 1996 tại tỉnh G; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: Nguyễn Văn L - Sinh năm 1975, Mẹ: Đoàn Thị H - Sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2001, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị cáo thứ hai:* **Nguyễn Dương Minh Đ** - Sinh ngày: 18/12/2001 tại G; Nơi cư trú: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Cha: Nguyễn Duy T - Sinh năm 1972; Mẹ: Dương Thị Hoa M - Sinh năm 1975; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em, lớn nhất sinh nhỏ nhất sinh năm 2010, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình, bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. *Bị cáo thứ ba:* **Trần Văn M** - Sinh năm 1996 tại G; Nơi cư trú: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Văn B (đã chết), Mẹ: Nguyễn Thị N - Sinh năm 1975; Bị cáo có 02 anh em, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1997; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/9/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Anh **Trần Văn Đ** – sinh năm: 1985

Trú tại: Làng Kóp, xã KG, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh **Phạm Văn K** – sinh năm: 1965

Trú tại: Làng Đê Hot, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Chị **Vũ Thị T** – sinh năm: 1981

Trú tại: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị **Vương Thị Lệ T** – sinh năm: 1970

Trú tại: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh **Mai Văn H** – sinh năm: 1989

Trú tại: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh **Nguyễn Thanh C** – sinh năm: 1994

Trú tại: Làng Đê Tul, xã ĐSM, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh **Nguyễn Viết H** – sinh năm: 1990

Trú tại: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Anh **Đào Xuân V** – sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn 3, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt không có lý do.

6. Anh **Vũ Công Đ** – sinh năm: 1997

Trú tại: Thôn 3, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Chị **Dương Thị Hoa M** – sinh năm: 1972

Trú tại: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

8. Anh **Nguyễn Duy T** – sinh năm: 1972

Trú tại: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

9. Chị **Đoàn Thị H** – sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

10. Chị **Nguyễn Thị N** – sinh năm: 1975

Trú tại: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt

11. Anh **Nguyễn Văn Đ** – sinh năm: 2003

Trú tại: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm: 1978 (bố ruột).
Địa chỉ: Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ:* Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1972; bà **Dương Thị Hoa M**, sinh năm: 1972. Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ:*

Bà **Nguyễn Hoàng Kim L** – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2018 đến ngày 05/7/2018, trên địa bàn các xã KG và ĐR, huyện Đ, tỉnh G, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Dương Minh Đ, Trần Văn M và đối tượng Nguyễn Văn Đ (Sinh ngày 13/11/2003, trú tại Thôn 2, xã ĐR, huyện Đ, G) đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Do biết trước nhà rẫy của anh Trần Văn Đ (Sinh năm 1985) thuộc làng Kop, xã KG, huyện Đ, tỉnh G có phơi nhiều Tiêu hạt và không có người trông coi, nên vào ngày 16/6/2018, Trần Văn M rủ Nguyễn Văn B cùng đi trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài và B đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 17/6/2018, M mang theo 01 chiếc đèn pin đội đầu rồi điều khiển xe mô tô (không có biển số) của M chở B đến nhà rẫy của anh Trần Văn Đ để trộm cắp tài sản. M và B dừng xe cách nhà rẫy một đoạn rồi đi bộ vào, trèo qua cửa sổ để vào bên trong (do cửa sổ chỉ che bạt không có cánh cửa và khung bảo vệ). Tại đây, M vác 01 bao Tiêu khô và lấy 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Makita, còn Nguyễn Văn B lấy 01 loa nghe nhạc bluetooth mang ra nơi để xe mô tô. M điều khiển xe chở B vận chuyển tài sản vừa trộm cắp được đến một căn nhà bỏ hoang thuộc Thôn 5, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G cất giấu. Sau đó, các bị cáo tiếp tục quay lại nhà rẫy của anh Đ lấy trộm 02 bao Tiêu khô mang đến căn nhà bỏ hoang này cất giấu rồi B đi chơi Internet, còn M đi cạo mủ cao su. Đến khoảng 07 giờ ngày 18/6/2018, M và B dùng xe mô tô của M chở số Tiêu đã trộm cắp được đến bán cho bà Vương Thị Lệ T (Sinh năm 1970) tại Thôn 5, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G được số tiền 3.300.000 đồng. Khi bán tài sản, các bị cáo nói với bà T là Tiêu của gia đình mang đi bán nên bà T không biết đây là tài sản trộm cắp mà có. Sau đó bà T cũng đã bán số tiêu này cho người khác nên không thu giữ được.

Đối với 01 loa bluetooth, B sử dụng cá nhân và đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ (Cơ quan điều tra). Trần Văn M cũng đã giao nộp 01 chiếc đèn pin đội đầu và xe mô tô sử dụng khi trộm cắp tài sản. Riêng 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Makita đã bị mất không thu giữ được.

Tại kết luận định giá số 39 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định các tài sản do Nguyễn Văn B và Trần Văn M trộm cắp có tổng trị giá 6.575.000 đồng.

- **Lần thứ hai:** Ngày 21/6/2018, gặp nhau tại tiệm Internet thuộc Thôn 4, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G nên Nguyễn Văn B đã rủ Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dương Minh Đ đi trộm cắp tài sản thì Văn Đ và Minh Đ đồng ý. Vào khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Dương Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 81C1-143.43 của gia đình, chở Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ đi đến nhà rẫy của anh Trần Văn Đ thuộc làng Kop, xã KG, huyện Đ, tỉnh G theo sự chỉ dẫn của B để trộm cắp tài sản. Các bị can dừng xe cách nhà rẫy một đoạn rồi đi bộ vào. Tại đây, Nguyễn Văn Đ đứng bên ngoài canh giới, còn Nguyễn Văn B và Nguyễn Dương Minh Đ trèo qua cửa sổ vào nhà rẫy lấy trộm các tài sản gồm: 01 mô tơ điện loại máy tời 2,2 Kw; 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Stil và 01 mô tơ điện nhãn hiệu Toàn Phát 2.2 Kw. Các bị can

dùng xe mô tô trên chỗ tài sản trộm cắp được đến cất giấu tại căn nhà bỏ hoang thuộc Thôn 5, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G rồi cùng về nhà Nguyễn Dương Minh Đ ngủ. Đến khoảng 07 giờ ngày 22/6/2018, Nguyễn Dương Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 81C1-143.43 chở Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ đến nơi cất giấu tài sản đã trộm cắp. Nguyễn Văn Đ ở lại ngôi nhà này chờ, còn Nguyễn Dương Minh Đ và Nguyễn Văn B đem các tài sản đã trộm cắp được đến bán cho anh Nguyễn Thanh C (Sinh năm 1994) tại tiệm điện cơ Q thuộc làng Đê Tul, xã ĐSM, huyện Đ, tỉnh G với số tiền 1.400.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Khi bán tài sản, các bị can nói với anh C là máy của gia đình không còn sử dụng nên anh C không biết đây là tài sản trộm cắp mà có. Cơ quan điều tra đã thu giữ được 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Stil do anh Nguyễn Thanh C giao nộp, còn 02 mô tơ điện anh C đã bán lại cho người khác không rõ lai lịch nên không thu giữ được. Đối với xe mô tô biển số 81C1-143.43, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của mẹ bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ là bà Dương Thị Hoa M. Việc các bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội bà M không biết nên không có căn cứ để xử lý. Tại kết luận định giá số 39 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định các tài sản do Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dương Minh Đ chiếm đoạt có tổng trị giá 4.500.000 đồng.

- **Lần thứ ba:** Do biết trước nhà ông Phạm Văn K (Sinh năm 1965) thuộc làng Đê Hoch, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G thường đi làm không khóa cửa nên ngày 03/7/2018, Nguyễn Văn Đ rủ Nguyễn Văn B đi trộm cắp tài sản và B đồng ý. Sau đó, B mượn xe mô tô biển số 61F1-176.71 của anh Vũ Công Đ (Sinh năm 1997, trú tại Thôn 3, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G) chở Văn Đ đến nhà ông Phạm Văn K theo sự chỉ dẫn của Văn Đ. Khi đến nơi, nhìn thấy nhà ông K không khóa cửa và không có người trông coi nên cả hai để xe mô tô ở trường học của thôn Đê Hoch rồi đi bộ qua vườn cà phê bên cạnh để đến nhà ông K. Cả hai cùng đi vào nhà ông K lấy trộm các tài sản gồm: 01 điện thoại di động (ĐTDD) nhãn hiệu Samsung Duos, 01 ĐTDD nhãn hiệu C3 CoGo để trong phòng ngủ và 01 máy bơm nước nhãn hiệu TD 3HP để ở phòng bếp. Sau đó, cả hai chở máy bơm trộm cắp được đến bán cho anh Mai Văn H (Sinh năm 1989) tại tiệm điện cơ Quang H thuộc Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G với số tiền 800.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Khi mua tài sản, anh H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý. Ngày 04/7/2018, Nguyễn Văn B sử dụng chiếc ĐTDD nhãn hiệu C3 CoGo cầm cố để mượn số tiền 50.000 đồng từ Vũ Công Đ và Công Đ đã bán lại cho anh Đào Xuân V (Sinh năm 1994, trú tại Thôn 3, xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G). Còn chiếc ĐTDD nhãn hiệu Samsung Duos, vào ngày 05/7/2018, Nguyễn Văn B đã giao cho anh Nguyễn Viết H (Sinh năm 1990, trú tại Thôn 4, xã ĐR) chủ tiệm để trừ tiền Internet mà B đã chơi. Các anh Đào Xuân V, Vũ Công Đ và Nguyễn Viết H đều không biết các tài sản này do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý. Đối với chiếc xe mô tô biển số 61F1-176.71, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của anh Vũ Công Đ, việc các bị cáo sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội anh Vũ Công Đ không biết nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra đã thu giữ được các tài sản mà các bị can trộm cắp để xử lý theo quy định. Tại kết luận định giá số 39 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định các tài sản do Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ trộm cắp có tổng trị giá 3.555.000 đồng

- **Lần thứ tư:** Ngày 05/7/2018, Nguyễn Văn B phát hiện khu nhà rẫy của chị Vũ Thị T (Sinh năm 1981) tại làng Klot, xã KG, huyện Đ, tỉnh G không có người

trông coi nên đã rủ Nguyễn Dương Minh Đ và Nguyễn Văn Đ vào tìm tài sản trộm cắp và cả hai đồng ý. Vào khoảng 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Dương Minh Đ điều khiển xe máy biển số 81HC-8194 của gia đình chở Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn Đ đi đến nhà rẫy của chị Vũ Thị T rồi trèo qua rào lưới B40 vào trong sân. Các bị cáo dùng cây sắt ở phòng bếp của nhà rẫy để phá khóa vào nhà nhưng không được. Lúc này, B nhìn thấy có 01 chiếc máy bơm nước nhãn hiệu Daphovina 1.5Hp ở dưới ao phía sau nhà rẫy nên nói với Minh Đ và Văn Đ lấy trộm chiếc máy bơm này. Minh Đ dùng dao có sẵn trong nhà bếp cắt đứt dây điện rồi cả ba cùng kéo máy bơm lên rồi mang về nhà Nguyễn Dương Minh Đ cất giấu. Đến ngày 06/7/2018, Minh Đ điều khiển xe mô tô biển số 81HC-8194 chở theo Văn Đ mang chiếc máy bơm đã trộm cắp được đến bán cho anh Mai Văn H thuộc Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh G với số tiền 300.000 đồng. Số tiền này các bị can đã tiêu xài cá nhân hết. Khi mua chiếc máy bơm này, anh H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý và anh H đã giao nộp chiếc máy bơm này cho Cơ quan điều tra. Đối với xe máy biển số 81HC-8194, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của cha của bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ là ông Nguyễn Duy T. Việc các bị can sử dụng chiếc xe này làm phương tiện phạm tội, ông Tâm không biết nên không có căn cứ để xử lý. Tại kết luận định giá số 39 ngày 07/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đ xác định tài sản do Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Dương Minh Đ trộm cắp có trị giá 1.500.000 đồng.

Cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Dương Minh Đ, Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Dương Minh Đ, Trần Văn M về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B mức án từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn M mức án từ 08 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đèn pin chiếu sáng, loại đèn đội đầu, nàu đen đã hư hỏng không sử dụng được.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ thống nhất cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điều 90, 91, 98, 100 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Đức hình phạt cải tạo không giam giữ từ 6 đến 9 tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Lời khai của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/6/2018 đến ngày 05/7/2018, trên địa bàn các xã KG và ĐR, huyện Đ, tỉnh G, các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Dương Minh Đ, Trần Văn M đã cùng nhau 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn B 04 lần tham gia thực hiện hành vi trộm cắp vào các ngày 17/6/2018, 21/6/2018, 03/7/2018 và 05/7/2018, chiếm đoạt tài sản có tổng trị giá 16.130.000 đồng, trong đó có 03 lần hành vi đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ 02 lần tham gia thực hiện hành vi trộm cắp vào các ngày 21/6/2018 và 05/7/2018, tài sản chiếm đoạt có tổng trị giá 6.000.000 đồng, trong đó có 01 lần hành vi đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bị cáo Trần Văn M 01 lần tham gia thực hiện hành vi trộm cắp vào ngày 17/6/2018, chiếm đoạt tài sản có trị giá 6.575.000 đồng và hành vi đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng bị cáo, không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp giản đơn.

Bị cáo Nguyễn Văn B là người khởi xướng việc phạm tội 02 lần, quá trình phạm tội rất tích cực, thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án.

Đối với bị cáo Trần Văn M là người khởi xướng và thực hiện hành vi phạm tội tích cực vào ngày 16/6/2018 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn so với bị cáo B nhưng cao hơn bị cáo Đức.

Bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ 02 lần tham gia thực hiện hành vi trộm cắp với vai trò giúp sức vào các ngày 21/6/2018 và 05/7/2018, trong đó có 01 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ đồng thời còn làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Do vậy bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả của tội phạm mà mình gây ra.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Các bị cáo cơ bản đều có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Văn B 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có 03 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, bị cáo phải phải chịu các tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Các bị cáo đã tác động gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ các thiệt hại gây ra; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng chung cho các bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Văn M và Nguyễn Dương Minh Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; bị cáo Nguyễn Văn B có bà nội là liệt sĩ nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên còn được áp dụng các điều 91 và khoản 1 điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo

Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với các bị cáo, xét thấy đề nghị về mức hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là có cơ sở. Trong đó, việc đề nghị cho bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ được hưởng án treo là phù hợp vì bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ và là người dưới 18 tuổi thực hiện hành vi phạm tội với vai trò giúp sức.

Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ đề nghị để xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là không phù hợp với hành vi, mức độ tham gia của bị cáo. Vì vậy, không được chấp nhận.

Đối với Nguyễn Văn Đ (Sinh ngày 13/11/2003), đến thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Đức chưa đủ 16 tuổi, nên Nguyễn Văn Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự Nguyễn Văn Đ. Ngày 17/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Đ đã ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng đối với Nguyễn Văn Đ.

Về dân sự:

Bị hại Trần Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất, đối với các tài sản không thu hồi được, gia đình các bị cáo Nguyễn Văn B và Trần Văn M đã bồi thường cho anh Đ số tiền 4.000.000 đồng (mỗi bên bồi thường 2.000.000 đồng); gia đình các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Dương Minh Đ bồi thường cho anh Mai Văn H số tiền 1.100.000 đồng và bồi thường cho anh Nguyễn Thanh Cần số tiền 300.000 đồng (mỗi bên bồi thường 700.000 đồng). Hiện anh Trần Văn Đ, anh Mai Văn H và anh Nguyễn Thanh C không có yêu cầu bồi thường gì khác. Bị hại ông Phạm Văn K và bà Vũ Thị T đã nhận lại tài bị mất và không có yêu cầu bồi thường gì. Anh Nguyễn Viết H và anh Đào Xuân V cũng không có yêu cầu bồi thường dân sự. Tại phiên tòa cũng không ai có ý kiến gì về phần bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về vật chứng:

- Đối với các vật chứng bao gồm: 01 loa nghe nhạc bluetooth, 01 máy cắt cỏ nhãn hiệu Stil, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Duos, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu C3 CoGo, 01 máy bơm nhãn hiệu TD 3HP, 01 máy bơm nhãn hiệu Daphovina 1.5Hp, Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Đ đã quyết định trả lại cho chủ sở hữu

- Đối với chiếc xe mô tô do Trần Văn M dùng làm phương tiện phạm tội là tài sản của bị cáo M được một người họ hàng cho để sử dụng đi lại. Khi được cho chiếc xe đã bị mất biển số và giấy đăng ký xe mô tô, vì thời gian đã lâu nên M không nhớ địa chỉ và thông tin liên lạc của người này, vì vậy, chưa xác định được nguồn gốc và chủ sở hữu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ tiếp tục tạm giữ chiếc xe này để điều tra xác minh, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Đối với 01 chiếc đèn pin đội đầu do Trần Văn M giao nộp là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo. Các bị cáo đã sử dụng chiếc đèn pin này làm công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tất cả các bị cáo;

- Áp dụng điểm i khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Văn M và bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ;

- Áp dụng điều 65, 91 và khoản 1 điều 101 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ;

- Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn B;

- Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điều 23, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Dương Minh Đ, Trần Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn B** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2018.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn M** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2018.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Dương Minh Đ** 06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tuyên án (03/5/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Dương Minh Đ cho Ủy ban nhân dân xã ĐR, huyện Đ, tỉnh G nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc đèn pin chiếu sáng, loại đèn đội đầu, nàu đen đã hư hỏng không sử dụng được.

(Tình trạng vật chứng như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ và chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

3. Về án phí: Xử buộc các bị cáo Nguyễn Văn B, Trần Văn M và Nguyễn Dương Minh Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 03/5/2019), để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn này khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- Công an huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ/VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân H